

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/KDTM-PT
Ngày 29-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi.

Các Thẩm phán: Ông Lưu Hữu Giàu;
Ông Nguyễn Hoàng Thám.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bé Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Hồng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2023/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do Bản án kinh doanh sơ thẩm số: 123/2022/KDTM-ST ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Phân bón P; trụ sở: Số 829, đường P, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn P, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Phân bón P (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Thành Th, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Phan Thành Th, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

- ***Bị đơn:*** Bà Lâm Ngọc N, sinh năm 1967; nơi cư trú: Ấp T, xã M, huyện P, tỉnh An Giang (có mặt).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Trần Minh T, sinh năm 1968; nơi cư trú: Tổ 15, ấp T, xã P, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Lâm Ngọc N là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất phân bón P (sau đây gọi tắt là Công ty P) trình bày:

Ngày 01/01/2017, Công ty P và bà Lâm Ngọc N (sau đây gọi tắt là bà N) ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số: 01/2017/HĐMB. Hai bên thỏa thuận Công ty P bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật cho bà N theo từng đơn đặt hàng. Sau khi ký kết hợp đồng, bà N nhiều lần mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật của Công ty P, hình thức mua bán: Nhận hàng, lần sau thanh toán tiền. Mỗi lần nhận hàng, Công ty P ghi sổ theo dõi và đối chiếu nợ.

Theo Bảng xác nhận đối chiếu công nợ lập ngày 17/10/2018, bà N còn nợ Công ty P tổng số tiền 616.680.000đ (trong đó tiền phân bón là 494.832.000đ và tiền thuốc bảo vệ thực vật là 121.848.000đ).

Công ty P nhiều lần yêu cầu bà N thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng bà N không thực hiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty P có nhận số tiền do bà N chuyển khoản trả như sau: Ngày 23/3/2018, trả 20.000.000đ; ngày 24/11/2018, trả 30.000.000đ; ngày 10/12/2018, trả 20.000.000đ; ngày 26/4/2019, trả 200.000.000đ; tổng cộng là 270.000.000đ. Vậy, bà N còn nợ số tiền 346.680.000đ.

Nay yêu cầu bà N phải trả cho Công ty P số tiền 346.680.000đ và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất do pháp luật quy định từ ngày 17/10/2018 đến ngày xét xử và thi hành án; yêu cầu duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2019/QĐ-BPKCTT ngày 04/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang để bảo đảm thi hành án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty P yêu cầu tính lãi từ ngày 26/4/2019 đến ngày xét xử và thi hành án.

Công ty P không biết Biên bản xác nhận công nợ ngày 14/4/2017; Công ty P không thuê bà N thu nợ giữm.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà N trình bày:

Bà N và Công ty P có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số: 01/2017/HĐMB như Công ty P trình bày. Ngày 17/10/2018, bà N và Công ty P có đối chiếu công nợ về nợ của bà N và nợ của đại lý cấp 2 có nợ Công ty P tổng cộng là 616.680.000đ. Sau khi đối chiếu công nợ, bà N có chuyển khoản trả tiền cho Công ty P 270.000.000đ như Công ty P trình bày.

Số nợ hiện còn là 346.680.000đ, trong đó có khoản nợ của ông Trần Minh T (sau đây gọi tắt là ông T) là 116.478.000đ, ông T tự chịu trách nhiệm; khoản nợ của bà N là 230.202.000đ (346.680.000đ - 116.478.000đ), bà N yêu cầu

Công ty P phải trừ các khoản thưởng và huê hồng mà Công ty P chưa trừ là 202.179.000đ.

Nay bà N đồng ý trả cho Công ty P số tiền 28.023.000đ (230.202.000đ - 202.179.000đ) và đồng ý tính lãi theo mức lãi suất do pháp luật quy định từ ngày 26/4/2019 đến ngày xét xử.

Bà N yêu cầu hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2019/QĐ-BPKCTT ngày 04/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Đối với Biên bản xác nhận công nợ ngày 14/4/2017, bà N không yêu cầu xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh T trình bày: Ông không liên quan đến vụ tranh chấp giữa Công ty P và bà N.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 123/2022/KDTM-ST ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P.
- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty P đối với bà N về số tiền 270.000.000đ.
- Bà N có trách nhiệm trả cho Công ty P số tiền 451.113.000đ.
- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2019/QĐ-BPKCTT ngày 04/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang để bảo đảm thi hành án.
- Công ty P được nhận lại số tiền 50.000.000đ và tiền lãi (nếu có) tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh P, tỉnh An Giang theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 01/2019/QĐ-BPBD ngày 04/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.
- Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 01/2019/QĐ-BPBD ngày 04/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 15/7/2022, bà N kháng cáo: Yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn bà N trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: Số tiền 346.680.000đ phải trừ 116.478.000đ là nợ của ông T; trừ tiền thưởng và huê hồng là 202.179.000đ; bà N đồng ý trả cho Công ty P số tiền 28.023.000đ và lãi từ ngày 26/4/2019 đến khi trả xong nợ. Bà N không yêu cầu xem xét Quyết định

áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2019/QĐ-BPKCTT ngày 04/01/2019.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 123/2022/KDTM-ST ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà N kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định và có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem xét vụ án trong phạm vi đương sự kháng cáo.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, Công ty P và bà N thống nhất việc xác nhận nợ 616.688.000đ theo Biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 17/10/2018; trừ số tiền bà N trả dần tổng cộng là 270.000.000đ; nợ hiện còn là 346.680.000đ.

Theo bà N trình bày: “Trong số nợ 346.680.000đ có khoản nợ của ông Tân nợ Công ty P là 116.478.000đ; Công ty P có nợ bà N khoản tiền thưởng và huê hồng là 202.179.000đ”. Tuy nhiên, người đại diện của Công ty P không thừa nhận lời khai của bà N; bà N không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai là có căn cứ và hợp pháp.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà N trả tiền mua hàng hóa cho Công ty P 346.680.000đ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 50 của Luật Thương mại.

Về trách nhiệm chậm thanh toán tiền hàng: Lẽ ra, bà N phải chịu lãi theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà N chịu lãi 0,83%/tháng theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự là có lợi cho bà N.

[2.2] Bà N không yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2019/QĐ-BPKCTT ngày 04/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

[2.3] Bà N kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

[3] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà N phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lâm Ngọc N.
2. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 123/2022/KDTM-ST ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang:
 - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Phân bón P.
 - Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Phân bón P về số tiền 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng).
 - Bà Lâm Ngọc N có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Phân bón P số tiền 451.113.000đ (bốn trăm năm mươi một triệu một trăm mười ba nghìn đồng).
 - Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 01/2019/QĐ-BPKCTT ngày 04/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang để bảo đảm thi hành án.
 - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Phân bón P được nhận lại số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi (nếu có) tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh P, tỉnh An Giang theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 01/2019/QĐ-BPBD ngày 04/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 01/2019/QĐ-BPBD ngày 04/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

+ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Phân bón P được nhận lại tạm ứng án phí là 14.333.000đ (mười bốn triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0010460 ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

+ Bà Lâm Ngọc N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 22.045.000đ (hai mươi hai triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Lâm Ngọc N phải chịu kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0000365 ngày 18/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA tỉnh;
- TAND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Tòa Kinh tế;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Ngọc Phi